Đồ án cuối kì

Phiếu chấm điểm

Sinh viên thực hiện: 18127077 – Nguyễn Thành Đạt

Địa chỉ Git: https://github.com/ntdat6310/lettutor advanced mobile

BẢNG CHỨC NĂNG(10 điểm)

Mỗi chức năng không thực hiện tốt sẽ bị trừ tương ứng với số điểm được điền trong cột TĐ.

| Chức năng | | Điểm | | Ghi chú | | |
|--|-------|------|----|---|--|--|
| | TĐ | TĐG | GV | | | |
| 1. Tổng quát | | | | | | |
| Thiết kê UI/UX của ứng dụng | -3 | 0 | | Ứng dụng UI/UX dễ hiểu, đẹp và thân thiện người dùng | | |
| Kiến trúc của ứng dụng | -3 | 0 | | Cấu trúc code đẹp, phân tách rõ ràng business, components, services, actions, reducers. | | |
| Báo cáo | -1 | 0 | | | | |
| Phim hướng dẫn | -1 | 0 | | | | |
| Quá trình thực hiện ứng dụng được đăng lên Git | -7 | 0 | | | | |
| 2. Xác thực và phân quyền | | | | | | |
| Đăng ký tài khoản | -0,25 | 0 | | | | |
| Kiểm tra các ràng buộc về tên đăng nhập, mật khẩu nhập lại, | -0,25 | 0 | | | | |
| Kích hoạt tài khoản bằng email | -0,25 | 0 | | | | |
| Đăng nhập hệ thống | -0,25 | 0 | | | | |
| Quên mật khẩu và làm mới mật khẩu bằng email | -0,25 | 0 | | | | |

| Đăng nhập vơi Google | -0.25 | 0 | | | | |
|---|-----------------------|-------|--|---|--|--|
| Đăng nhập với Facebook | -0.25 | | | | | |
| 3. Xem và tìm kiếm giáo viên | | | | | | |
| Hiển thị danh sách giáo viên | -1 | 0 | | Sắp xếp giáo viên theo favourite và rating | | |
| Hiển thị specialities và cho filter giáo viên theo specialities | -0,25 | 0 | | | | |
| Thêm giáo viên vào danh sách yêu thích | -0.25 | 0 | | | | |
| Xem danh sách giáo viên yêu thích | | 0 | | | | |
| Tìm kiếm giáo viên | -1 | 0 | | Tìm kiếm giáo viên theo tên và quốc gia | | |
| Phân trang tìm kiếm | -0.25 | 0 | | | | |
| Phân nhóm kết quả tìm kiếm | -0.25 | 0 | | | | |
| Hiển thị kết quả tìm kiếm | -0,25 | 0 | | Hiển thị trong hợp không có kết quả và có kết quả tìm kiếm | | |
| Đăng kí thành giáo viên | -0.25 | 0 | | | | |
| 5. Chi tiết giáo viên | 5. Chi tiết giáo viên | | | | | |
| Hiện thị thông tin mô tả chi tiết giáo viên | -0,5 | 0 | | | | |
| Hiển thị thời khóa biểu | -0,5 | 0 | | | | |
| Tương tác trong trang giáo viên: Message, Favourite, Report | -0,25 | -0,05 | | Đã hoàn thành Favorite, Report | | |
| Play video của khóa học | -1 | 0 | | | | |
| Xem danh sách các review | -0.5 | 0 | | | | |
| Đặt lịch học | -1 | 0 | | | | |
| 6. Xem lịch học | | | | | | |
| Hiển thị tổng số giờ học | -0,25 | 0 | | | | |
| Hiển thị upcoming class ở trang chủ | -0.5 | 0 | | | | |

| và hỗ trợ tham gia upcoming class. | | | | | |
|---|------------------|-------|---|--|--|
| va no try tham gia apcoming class. | | | | | |
| Hiển thị trang lịch học đã đăng kí | -0,5 | 0 | Gom nhóm nhiều lớp học gần nhau | | |
| Phân trang lịch học | -1 | 0 | | | |
| Trang xem lịch sử các buổi học | -1 | 0 | | | |
| Hủy buổi học | -1 | 0 | Hệ thống chi cho hủy buổi học trước 2 tiếng | | |
| 7. Tham gia lớp học với video call | | | | | |
| Gọi video call với Jitsi | -1 | 0 | Trong milestone số 1, các bạn chỉ làm Widget trông thay vì thêm Jitsi | | |
| Hiển thị thời gian chờ trước khi lớp học bắt đầu | -0.25 | 0 | | | |
| Đếm thời gian của buổi học | -0.25 | 0 | | | |
| Logo ứng dụng | -0.25 | 0 | Thầy đổi lại thành mục cộng điểm | | |
| 8. Xem giáo trình | | | | | |
| Xem danh sách giáo trình | -1 | 0 | | | |
| Tìm kiếm giáo trình | -1 | 0 | | | |
| Phân trang giáo trình học | -0.25 | 0 | | | |
| Xem mô tả chi tiết của một giáo trình | -0.5 | 0 | | | |
| Hiển thị nội dung chi tiết của một giáo trình | -0.5 | 0 | Nội dung giáo trình được trình bày bằng PDF. | | |
| 9. Quản lý tài khoản và cấu hình ứng dụng | | | | | |
| Quản lý profile (cập nhật thông tin, avatar) | -1 | 0 | | | |
| Setting ứng dụng | -0.5 | 0 | | | |
| Hỗ trợ đa ngôn ngữ (Tiếng anh và tiếng việt) | -0.5 | 0 | | | |
| Đổi themes dark & white | -0.25 | -0,25 | | | |
| 10. Học tăng cường với ChatGPT | | | | | |

| Chat tang cường với ChatGPT | -2 | 0 | | | |
|--|-----|----|--|--|--|
| 11. Các chức năng nâng cao | | | | | |
| Ứng dụng được publish trên store | 1 | 0 | | | |
| Số lượng người dùng tải ứng dụng | 1 | 0 | Cứ 25 người dùng tải mới được +0,25đ. Tối đa được cộng 1 điểm. | | |
| Sử dụng Google Analytics/Sentry/Crashlytics | 0,5 | 0 | Mỗi thư viện phù hợp được +0,25. Tối đa được cộng 0.5 điểm. | | |
| Cấu hình CI/CD cho project | 1 | +1 | Cấu hình CI: +0,5 Cấu hình CD: +0,5 | | |
| Cấu hình đa môi trường (DEV/PRODUTION) | 0,5 | 0 | | | |
| Liệt kê các chức năng nâng cao khác mà bạn làm được ở đây | | | | | |